

Bản án số:144/2024/HS-ST

Ngày:16/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Phúc

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Bá Huynh

Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Vũ Minh H, sinh năm 1997 tại T; ĐKKHKT: Thôn P 2, xã X, huyện V, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn L và bà Phạm Thị Đ; Bị cáo chưa có vợ, con.

Nhân thân:

- Bản án số 41/2014/HSST ngày 29/7/2014, Tòa án nhân dân huyện V, Thái Bình xử phạt 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” (phạm tội ngày 01/5/2014; tài sản trị giá 9.000.000 đồng; phạm tội khi 16 tuổi 04 tháng 10 ngày). Ra trại ngày 22/3/2015.

- Tại Bản án số 272/HS-ST ngày 25/1/2015 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xử phạt Vũ Minh H 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (phạm tội khi mới 17 tuổi 08 tháng). Bị cáo kháng cáo, tại Bản án số 145/HSPT ngày 18/3/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 27/HSST ngày 07/4/2016, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. (phạm tội ngày 18/8/2015; tài sản trị giá 9.500.000 đồng; phạm tội khi 17 tuổi 08 tháng 24 ngày). Tổng hợp với hình phạt 15 tháng tù của bản án số 145/2016/HSPT ngày

18/3/2016, buộc chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/9/2015. Ra trại 15/6/2018.

- Bản án số 55/2019/HS-ST ngày 11/10/2019, Tòa án nhân dân huyện V, Thái Bình xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Cuồng đoạt tài sản” (Hành vi phạm tội xảy ra ngày 18/02/2019, tài sản trị giá 2.500.000đồng). Ra trại 11/02/2021.

- Bản án số 12/ HSST ngày 21/3/2022, Tòa án nhân dân huyện V, Thái Bình xử 1 năm 9 tháng về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (xảy ra ngày 06/9/2021; tài sản trị giá 11.000.000 đồng).

- Bản án số 22/HSST ngày 21/4/2022, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xử 1 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (phạm tội ngày 08/10/2021).

Bị cáo có 06 tiền án trong đó có 03 tiền án khi phạm tội đều dưới 18 tuổi nên được coi là không có án tích và 03 tiền án xét xử sau ngày phạm tội không tính là tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

Bị cáo đang chấp hành án theo Quyết định tổng hợp hình phạt tù của nhiều bản án số 01/2022/QĐ-CA ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình. (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

+ Anh Nguyễn Toàn T, sinh năm 1996; HKTT: Thôn Quan Nội 4, xã Hoằng Anh, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Công S, sinh năm 1998; HKTT: Xóm 4, Nga Mỹ, Nga S, Thanh Hóa nay là tiểu khu Mỹ Hưng, thị trấn Nga S, huyện Nga S, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Minh H và anh Nguyễn Toàn T (sinh năm: 1996 – HKTT: Hoằng Anh, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa) và anh Nguyễn Hoài Nam (sinh năm: 1999 – HKTT: Xóm 6, Lộc Điền, V, Thái Bình) có quen biết và chơi với nhau.

Khoảng 18 giờ 30 ngày 22/3/2019, anh T đến khu trọ của anh Nam tại Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội, đón Nam cùng đi ăn uống thì gặp H tại đây. Quá trình ngồi ăn uống với nhau, Nam nói với T là Nam đang cầm cố 01 điện thoại di động Oppo ở địa bàn Long Biên nhưng không có tiền chuộc, nếu T muốn chuộc về để sử dụng thì chuộc, anh T đồng ý và ngày 23/3/2019, anh T đến địa chỉ quán cầm đồ mà Nam nói để chuộc điện thoại nhưng không chuộc được do không phải là người cầm cố nên Nam sau đó bảo anh T hôm sau đi cùng H để chuộc điện thoại.

Đến chiều ngày 24/3/2019, anh T sang phòng trọ của Nam để đón H đi sang Long Biên chuộc lại điện thoại di động Oppo và T đã bỏ ra 3.650.000 đồng để chuộc chiếc điện thoại này của Nam để sử dụng. Trong quá trình đi chuộc điện thoại, H có nói với anh T là hiện tại H đang cầm cố 02 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus và Iphone 8 Plus ở Mỹ Đình nhưng không có tiền chuộc, nếu T muốn thì bỏ ra 11.000.000 đồng chuộc về dùng, anh T đồng ý nhưng trên đường đi chuộc điện thoại của H thì T nhận được cuộc gọi điện thoại của anh Nguyễn Công S (sinh năm 1998 – HKTT: xóm 4 Nga Mỹ, Nga S, Thanh Hóa) nhờ T tìm chỗ lấy “nhân viên nữ” phục vụ quán hát tại Thanh Hóa nên anh T hỏi H có biết chỗ lấy nhân viên thì

giới thiệu cho bạn T, H nói có thể lấy được nhân viên nữ và đồng ý đi cùng T đến Hoài Đức gặp S rồi sau đó sẽ đi sang Mỹ Đình chuộc điện thoại. Đến chiều tối cùng ngày, cả hai đi đến phố Thủ Y, Hoài Đức, Hà Nội gặp và ngồi uống nước cùng anh S tại quán trà đá vỉa hè gần Trung tâm tiếng Nhật mà S đang theo học. Tại đây, anh S nhờ và H đồng ý đưa S đi sang chỗ anh của H ở Hồ Đền Lừ, H Mai, Hà Nội để lấy nhân viên nữ và bóng cười nên T đã sử dụng xe máy Honda Dream BKS:36B2-261.18 của T chở H và S về Mỹ Đình để lấy 02 điện thoại trước. Trên đường đi, T dừng lại tại một cây ATM và rút 11.000.000 đồng để chuộc điện thoại. Khi cả ba về đến khu vực đường Mỹ Đình thì H chỉ cho T đi đến quán sửa chữa, mua bán điện thoại địa chỉ 100 Mỹ Đình, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội của anh Nguyễn Văn Phong nhưng khi H hỏi người phụ nữ trông quán thì được biết chủ quán hiện không có nhà nên cả ba đi đến một quán cà phê gần đó uống nước. Lúc này, H bảo S đi cùng H sang Hồ Đền Lừ xem nhân viên trước rồi quay lại lấy điện thoại cho T sau, S đồng ý. Trước khi đi, S vay anh T 11.000.000 đồng để đi lấy nhân viên với lý do anh của S chưa chuyển tiền cho S (khi nào chuyển tiền thì S sẽ trả T) và hỏi mượn xe máy của T, anh T đồng ý giao chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS: 36B2- 261.18 và 11.000.000 đồng cho S. Sau đó, S và H đi đến số 71 Hồ Đền Lừ, quận H Mai, Hà Nội, gặp Nam “con” (là bạn xã hội của H – hiện không xác định được nhân thân, lai lịch), Nam “con” dẫn H và S đến ngã ba Hồ Đền Lừ, vào một quán trà đá ngồi uống nước. Sau đó, H đưa S vào khu trọ của nhân viên để xem và chọn được 05 nhân viên nữ và S bảo lấy 05 bình bóng cười loại 5kg/bình rồi đưa cho H 11.000.000 đồng, do S còn nợ vài triệu (cả tiền nhân viên và bóng cười) nên H và S thống nhất H sẽ cho nhân viên cùng 05 bình bóng cười đi về Cổ Nhuế còn H và S đi xe của T về Mỹ Đình, đợi khi nào S chuyển đủ tiền nhân viên và bóng cười thì H sẽ cho S biết địa chỉ nhà nghỉ để đón nhân viên và lấy bóng cười. Sau đó, H đưa nhân viên lên taxi và nói là để đi đến khu vực Cổ Nhuế sẽ có bạn của H đón còn H và S sau đó đi về Mỹ Đình gặp T. Tại đây, H và S nói lại cho T biết về việc H đã lấy cho S 05 nhân viên và bóng cười nhưng S chưa đưa đủ tiền. Do trước đó, T nhận trách nhiệm với H sẽ bảo lãnh cho S về việc lấy nhân viên nhưng khi quay về, H hỏi T có bảo đảm việc lấy nhân viên của S không vì số tiền lớn, thì T nói không bảo lãnh được nên H đã báo lại với người cung cấp nhân viên dịch vụ và hủy việc giao nhân viên và bóng cười cho S nhưng H không báo cho S biết việc hủy lấy nhân viên và bóng cười và cũng không trả lại tiền cho S (H vẫn cầm tiền của S đã đưa trước đó). Sau đó, cả ba cùng quay lại cửa hàng số 100 Mỹ Đình để hỏi chủ quán chuộc điện thoại nhưng do chủ quán vẫn chưa về nên cả ba đi ra khu vực cổng bến xe Mỹ Đình ngồi uống trà đá. Sau khi ngồi uống nước khoảng 20 phút thì H bảo anh T đưa chìa khóa xe của T cho H đi tìm chủ quán điện thoại để lấy 02 chiếc điện thoại Iphone mà H đã cầm cố trước đó cho T, T đồng ý giao xe cho H. Sau khi mượn xe của anh T, trên đường đi lấy điện thoại do nghĩ T hứa sẽ bảo đảm cho S lấy nhân viên và bóng cười nhưng lại không thực hiện khiến H bức tức nên không đi lấy điện thoại cho T nữa mà điều khiển xe máy đi thẳng về Nam Định và đến nhà nghỉ T (gần khu vực cầu Tân Phong, Nam Định) chơi với bạn là Vũ Viết C (còn gọi là C “tấn” - sinh năm: 1987 – HKTT: thôn Đường 10, Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định) và nghỉ tại đây đến sáng hôm sau thì đi về nhà của Nguyễn Duy Nhất (SN: 1988, Trú tại: Đông Tiến, Xuân Hòa, V, Thái

Bình) ở gần nhà H. Tại nhà Nhất, H gặp Đỗ Văn Kiên (SN: 1995, Trú tại: Đông Tiến, Xuân Hòa, V, Thái Bình) và kể cho Kiên biết chuyện H lấy xe của T, do Kiên khuyên bảo H trả xe nên H đã gọi cho Nam bảo về Thái Bình lấy xe nhưng Nam và T yêu cầu H phải mang xe lên Mỹ Đình trả nhưng H không đem xe lên trả. H ở nhà Nhất đến sáng hôm sau thì sang nhà nghỉ T gặp C “Tấn” và do cần tiền nên H nhờ C tìm chỗ để cầm cố xe lấy tiền chi tiêu cá nhân. C đồng ý giúp và bảo H đợi C liên hệ nhờ bạn bè. Đến chiều cùng ngày, C dẫn H đến gặp một người bạn của C (H không biết là ai, không nhớ rõ nơi đã giao xe) và cầm cố xe của anh T được khoảng 03 triệu đến 04 triệu đồng, việc cầm cố xe không có giấy tờ, không lãi suất, không hẹn thời hạn và thống nhất rằng khi nào H muốn lấy lại xe thì qua gặp C “Tấn”. Sau khi cầm cố xe, H bỏ đi và đến tháng 5/2019 thì bị bắt truy nã trong vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đang điều tra.

Ngày 31 tháng 3 năm 2019, anh Nguyễn Toàn T do không thấy H mang trả xe nên đã có đơn trình báo cơ quan Công an để điều tra làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Minh H khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và khai sau khi mượn xe của T, H vẫn có ý định đi xe về trả anh T nhưng sau do cần tiền nên H mới đem xe đi cầm cố.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 59 ngày 01/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Nam Từ Liêm, xác định: *01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát: 36B2-361.18, số khung: 0809AY241305, số máy: HA08E151341, đăng ký lần đầu tháng 8/2012, xe đã qua sử dụng (không thu được tang vật). Trị giá tài sản là 7.500.000đồng.*

Đối với Vũ Viết C, quá trình điều tra do C không nhận việc đã giúp tìm người cầm cố xe cho H. Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập C để đối chất với H nhưng C không chấp hành nên Cơ quan điều tra không thực hiện được việc đối chất để làm rõ mâu thuẫn trong việc cầm cố xe giữa C và H. Ngày 27/9/2019, Cơ quan điều tra đã có văn bản yêu cầu Vũ Viết C bàn giao xe máy Honda Dream BKS:36B2 – 261.18 nhưng C khẳng định hiện không giữ, không quản lý và không biết thông tin gì liên quan đến xe trên nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với chiếc xe máy Honda Dream BKS: 36B2– 261.18, số khung: RLHHA0809AY241305, số máy: HA08E151341, quá trình điều tra xác minh xác định xe đứng tên đăng ký là anh Nguyễn Toàn T. Ngày 04/4/2019, Cơ quan điều tra ra thông báo truy tìm vật chứng đối với xe máy trên nhưng đến nay chưa xác định được (BL 54).

Về dân sự: Khoảng tháng 9 năm 2019, anh Nguyễn Công S đã trả lại cho anh Nguyễn Toàn T số tiền 11.000.000 đồng đã vay để đưa cho H. Anh T yêu cầu bồi thường 7.500.000 đồng trị giá chiếc xe máy bị chiếm đoạt. Anh Nguyễn Công S yêu cầu H bồi thường trả lại 11.000.000đồng.

Lời khai nhận tội của Vũ Minh H phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai người liên quan và tài liệu điều tra khác.

Bản cáo trạng số 55/CT-VKSNTL ngày 22/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo Vũ Minh H về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Minh H khai nhận hành vi của mình, thành khẩn nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Minh H mức án từ 21 đến 24 tháng tù về tội ***“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”***.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Không.

Về dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Vũ Minh H phải bồi thường cho anh Nguyễn Toàn T 7.500.000 đồng và anh Nguyễn Công S 11.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Minh H khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 15’ ngày 24 tháng 3 năm 2019, tại 71 Hồ Đ, phường H, quận H, Hà Nội và tại khu vực bên xe Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Vũ Minh H đã nhận 11.000.000 đồng của anh Nguyễn Công S để lấy giúp nhân viên nữ phục vụ quán hát và lấy hộ 5 bình bóng cườì nhưng do anh S còn thiếu tiền nên H đã hủy, không lấy nhân viên cùng bóng cườì cho S nữa nhưng cố tình không trả lại tiền cho anh S mà chiếm đoạt sau đó bỏ trốn.

Khoảng đêm cùng ngày 24 tháng 3 năm 2019, tại quán nước cạnh bên xe Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Vũ Minh H đã hỏi mượn chiếc xe máy Honda Dream BKS: 36B2– 261.18, trị giá 7.500.000 đồng của anh Nguyễn Toàn T để đi chuộc điện thoại nhưng sau khi mượn xe của anh T, trên đường đi do nghĩ T hứa sẽ bảo đảm cho S lấy nhân viên và bóng cườì nhưng lại không thực hiện khiến H bức tức nên không đi lấy điện thoại cho T nữa mà điều khiển xe máy bỏ đi về nhà tại V – Thái Bình, sau đó do cần tiền nên H đã đem xe đi cầm cố cho đối tượng không quen biết lấy tiền chi tiêu cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

Vật chứng không thu hồi được. Hậu quả chưa khắc phục.

Tổng số tiền Vũ Minh H đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Công S và anh Nguyễn Toàn T là **18.500.000** đồng.

[2] Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã có 6 lần bị kết án, bị cáo thực hiện

hành vi phạm tội nhiều lần nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được phân tích ở trên thì phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Minh H bồi thường cho anh Nguyễn Toàn T số tiền 7.500.000đ; bồi thường cho anh Nguyễn Công S số tiền 11.000.000đ.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Vũ Minh H không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Không.

[8] Về đề nghị của Viện kiểm sát đối với vụ án: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo từ 21 đến 24 tháng tù là chưa phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội.

[9] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố vụ án đúng quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 175; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015;

- Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

- Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Vũ Minh H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vũ Minh H 18 (mười tám) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù tại Quyết định tổng hợp hình phạt tù của nhiều bản án số 01/2022/QĐ-CA ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình, buộc bị cáo Vũ Minh H phải chấp hành hình phạt chung là **57(năm mươi bảy) tháng tù** (tương đương với **4 năm 09 tháng tù**), thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2021.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 579 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Minh H bồi thường cho anh Nguyễn Toàn T số tiền 7.500.000đ; bồi thường cho anh Nguyễn Công S số tiền 11.000.000đ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về vật chứng: Không.

Về án phí: Bị cáo Vũ Minh H phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm và 925.000 đồng (*Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Minh H, anh Nguyễn Công S có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an Q.Nam Từ Liêm;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Thị Phúc